TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1622/2025/DS-PT
Ngày 18/12/2025

"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
- Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
  Bà Bùi Thị Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lá - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1219/2025/TLPT-DS ngày 13/11/2025 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7066/2025/QĐ-PT ngày 27/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 89 Nguyễn Lương Bằng, tổ 9, ấp Hải An, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Sơn Liên S, sinh năm 1982 (vắng mặt) và bà Thạch Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hải Điền, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông S, bà N: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 140Đ ấp Long Lâm, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy uỷ quyền lập ngày 21/11/2025 tại Văn phòng công chứng Long Điền, số 18 Nguyễn Văn Trỗi, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Quang D, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hải Điền, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Cao Tấn T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 9, ấp Hải An, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Sơn Liên S và bà Thạch Thị N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và vợ chồng bà Thạch Thị N, ông Sơn Liên S có quan hệ quen biết qua quá trình chơi hụi, bà L làm chủ hụi còn ông S bà N là người chơi hụi (bà N trực tiếp đứng tên chơi còn ông S thường đem tiền đến đóng hụi cho bà L). Bà N chơi hụi do bà L làm chủ từ nhiều năm trước và đóng tiền đầy đủ. Năm 2023, bà N chơi nhiều phần hụi trong dây hụi do bà L làm chủ. Su khi hốt hụi bà N không đóng phần hụi chết nên còn nợ bà L số tiền 150.000.000 đồng. Năm 2024 bà S tiếp tục chơi dây hụi do bà L làm chủ và cũng đã hốt hụi nhưng không đóng tiền hụi chết nên còn nợ bà L số tiền 125.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ hụi bà N còn nợ là 275.000.000 đồng. Su nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S bà N trả số tiền trên nhưng không được nên ngày 26/4/2025 ông S đến nhà gặp bà L năn nỉ cho nợ nên bà L yêu cầu viết giấy và ông S viết giấy nợ bà L số tiền tổng cộng 275.000.000 đồng. Do thời điểm này bà N không có ở nhà nên chỉ có mình ông S đứng ra nhận nợ và viết giấy nợ. Việc chơi hụi có làm sổ hụi thể hiện tên người chơi, số tiền và ngày tháng chơi nhưng không có ký nhận khi đóng tiền hay hốt hụi.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông S bà N trả cho bà L số tiền 275.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

2. Tại các bản khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phạm Thanh T trình bày:

Vào tháng 9/2023 bà N có chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ, bà N chơi một phần trong dây hụi có 16 phần (trừ bà N ra thì còn 15 phần) và mỗi phần đóng 5.000.000đ/tháng. Bà N là người hốt đầu rồi sau đó đóng được 10 tháng hụi chết mỗi tháng 5.000.000 đồng thì ngưng nên bà N chỉ còn nợ bà L 5 tháng là 25.000.000 đồng. Ngoài ra, bà N có chơi dùm hụi cho hai người (hiện bỏ đi đâu không biết) trong dây hụi do bà L làm chủ, hai người này đã hốt nhưng còn nợ chưa đóng hụi chết cho bà L số tiền 100.000.000 đồng nên bà N có trách nhiệm trả thay cho hai người này. Nay bà N đồng ý trả cho bà L 125.000.000 đồng, không đồng ý trả 275.000.000 đồng theo như yêu cầu của bà L.

3. Tại các bản khai và quá trình tố tụng, bị đơn ông Sơn Liên S trình bày:

Ông S là chồng của bà N, việc bà N chơi hụi với bà L thế nào thì ông S không rõ và ông S cũng không đem tiền đến đóng hụi cho bà L theo như bà L trình bày. Đối với giấy nợ ghi ngày 26/4/2025 là do bà L kêu ông S viết và ký tên. Giấy ghi ngày 26/4/2025 là không đúng, ông S viết giấy là ngày 03/5/2025. Còn số tiền nợ 275.000.000 đồng là do bà L kêu ông S viết, chứ ông không biết là nợ tiền gì và nợ bao nhiêu. Nay bà N đồng ý trả cho bà L số tiền 125.000.000 đồng thì ông S cũng đồng ý theo ý kiến của bà N.

4. Ý kiến của người làm chứng ông Lê Quang D, bà Cao Tấn T:

Những người làm chứng biết bà N chơi hụi do bà L làm chủ và có nợ tiền hụi của bà L, tuy nhiên nợ số cụ thể bao nhiêu thì không biết mà chỉ nghe bà L nói là vợ chồng bà N không đóng hụi chết và có nợ số tiền 275.000.000 đồng.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như Su:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S.

- Bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11/8/2025, bị đơn bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông S, bà N trả lại cho bà L số tiền 150.000.000 đồng.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1/ Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm với các căn cứ Su:

Bà L không có chứng cứ chứng minh bà N còn nợ số tiền hụi là 150.000.000 đồng. Việc ông S viết giấy xác nhận nợ ngày 26/4/2025 là viết theo yêu cầu của bà L, ông S viết trong tình trạng bị bà L gây áp lực nên bà N không dám trở về nhà. Vì mong muốn vợ quay về nhà nên ông S buộc phải viết giấy mặc dù ông S không biết rõ các khoản nợ hụi mà bà N còn nợ bà L là bao nhiêu. Bà N xác nhận chỉ còn nợ bà L số tiền là 125.000.000 đồng. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

6.2/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông S bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia

phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn: Bà N và bà L xác nhận có chơi hụi với nhau vào các năm 2023 và 2024. Trong quá trình chơi hụi, bà N hốt đầu nhưng không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L. Theo bà N thì bà chỉ còn nợ số tiền là 125.000.000 đồng.

Tuy nhiên theo giấy viết tay do ông S viết đề ngày 26/4/2025 có nội dung xác nhận số nợ là 275.000.000 đồng. Ông S cho rằng ông không biết số nợ là bao nhiêu và nợ tiền gì, ông chỉ viết theo yêu cầu của bà L nhưng ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, ông S phải chịu trách nhiệm đối với nội dung tại giấy nhận nợ ngày 26/4/2025. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông S bà N.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo:

Bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S là bị đơn trong vụ án, đơn kháng cáo của ông S bà N đảm bảo đúng các nội dung theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S hoàn trả số tiền nợ hụi là 275.000.000 đồng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2]. Xét nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N ông S có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ hụi của hai năm 2023, 2024 là 275.000.000 đồng. Bị đơn bà N thừa nhận có chơi các dây hụi do bà L làm chủ, đã hốt hụi và còn nợ tiền hụi chết là 125.000.000 đồng, bà N đồng ý hoàn trả số tiền 125.000.000 đồng cho bà L. Bị đơn ông S đồng ý với ý kiến của bà N về việc trả nợ cho bà L. Riêng đối với chứng cứ là tờ giấy tay đề ngày 26/4/2025 do ông S viết thì ông S cho rằng ông không rõ các khoản nợ mà vợ ông còn thiếu là bao nhiêu, ông chỉ viết theo yêu cầu của bà L.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, chứng cứ là giấy tay đề ngày 26/4/2025 do nguyên đơn bà L cung cấp, có cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị L và bà Thạch Thị N có quan hệ chơi nhiều dây hụi với nhau từ năm 2023, bà L là chủ hụi, bà N là người tham gia chơi hụi. Quá trình góp hụi, bà L chỉ được lập danh sách người chơi, số tiền mỗi phần phải đóng mà không có giấy ký nhận khi hốt cũng như khi đóng tiền hụi. Nguyên đơn bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền hụi chết mà bà N còn nợ cụ thể của từng dây hụi. Tuy nhiên bà L cung cấp chứng cứ là giấy viết tay đề ngày 26/4/2025 do ông S viết và ký tên, nội dung ông S xác nhận số tiền nợ hụi của bà L năm 2023 là 150.000.000 đồng, số tiền nợ hụi năm 2024 là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 275.000.000 đồng.

Số tiền nợ hụi 125.000.000 đồng phù hợp với lời xác nhận của bà N. Đối với số tiền nợ hụi là 150.000.000 đồng bà N không thừa nhận. Xét chứng cứ là giấy viết tay đề ngày 26/4/2025 do ông S viết và ký tên thì thấy, ông S xác nhận đây là chữ viết và chữ ký của ông thì ông S phải có trách nhiệm với nội dung ông đã ký. Việc ông S cho rằng ông không biết bà N chơi hụi với bà L cũng như số tiền nợ hụi, ông chỉ viết theo yêu cầu của bà L nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc ông viết giấy là bị ép buộc, lừa dối. Từ đó, có cơ sở để khẳng định quan hệ chơi hụi giữa bà L và bà N là có thật, số nợ bà N còn thiếu bà L là 275.000.000 đồng.

Quá trình làm việc bà N thừa nhận số tiền hốt hụi từ bà L đem về dùng vào việc chăn nuôi heo để lo cho gia đình và ông S là người viết giấy xác nhận số nợ hụi đối với bà L và đồng ý cùng bà N trả nợ cho bà L nên có cơ sở xác định ông S biết bà N chơi hụi cũng như nợ tiền hụi của bà L nên ông S có trách nhiệm cùng bà N trả nợ cho bà L số tiền 275.000.000 đồng.

Những người làm chứng không xác định được cụ thể số tiền hụi bà N nợ bà L nhưng họ khẳng định bà N có chơi hụi và nợ tiền hụi của bà L.

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của các đương sự và chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 26/4/2025, để khẳng định bà N còn nợ bà L 275.000.000 đồng. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà N và ông S hoàn trả số tiền trên cho bà L là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn bà N ông S:

Bị đơn kháng cáo cho rằng bà N chỉ nợ bà L số tiền hụi là 125.000.000 đồng, ông S chỉ viết giấy theo yêu cầu của bà L chứ không biết bà N nợ bao nhiêu nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông S bà N về việc bác yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số nợ 150.000.000 đồng là không có cơ sở.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật nên cần tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự:

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S phải nộp 13.750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà L.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được hoàn trả 6.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 003874 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

[3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông S bà N phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010176 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị N và ông Sơn L S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều 26, 147, 148, 272, 273, 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S.

2. Buộc bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Thạch Thị N và ông Sơn Liên S phải nộp 13.750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được hoàn trả 6.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 003874 ngày 16-5-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất (Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông S bà N phải nộp 300.000 đồng án Dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010176 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/12/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Khu vực 13 -TP.Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 13-TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 13-TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (27).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2025DSPT44474 1 000137 728210 24.11.2025 11:11
Nguyễn Thị Liên

Nguyễn Thị Ngọc Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hoàng Anh **Bùi Thị Thương** **Nguyễn Thị Ngọc Anh**



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP HCM;
- TAND khu vực 12-TP HCM;
- VKSND khu vực 12-TP HCM,
- Phòng THADS khu vực 12-TP HCM;
- Các đương sự.
- Lưu: TNV, Hồ sơ vụ án (45).

Lý Thị Lệ Thủy